

Bảng 1.13 - CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN QUỐC LỘ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GTVT BẮC KẠN.

(Kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-TCĐBVN ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Tổng cục ĐBVN)

TT	Tên Quốc lộ	Tên cầu	Lý trình	Tỉnh	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Chiều rộng (m)	Bề rộng xe chạy (m)	TT Thiết kế	Tải trọng thực tế				ghi chú
										11A	11B	11C	11D	
1	QL.279	Cầu PiO	Km248+330	Bắc Kạn	32,7	1	9,5	7			25-35-45			
2	QL.279	Cầu Lạng San	Km258+502	Bắc Kạn	36,7	2	9,5	7			25-35-45			
3	QL.279	Cầu Khuổi Lụa	Km261+657	Bắc Kạn	26,3	1	9,5	7			25-35-45			
4	QL.279	Cầu Nà Làng	Km264+710	Bắc Kạn	62,4	3	9,5	7			25-35-45			
5	QL.279	Cầu Nà coóc	Km313+510	Bắc Kạn	47,1	1	7,5	6,5			25-28-30			
6	QL.279	Cầu Bản Mới	Km321+330	Bắc Kạn	15,07	1	9,5	7,0			30-35-48			
7	QL.279	Cầu Phiêng Giản	Km326+7	Bắc Kạn	18	1	9,5	7,0			30-35-48			
8	QL.279	Cầu Nà Thi	Km329+850	Bắc Kạn	60,2	3	9,5	7,0			30-35-48			
9	QL.279	Cầu Bản Hon	Km333+600	Bắc Kạn	6,6	1	8,2	7,6			30-35-48			
10	QL.3B	Thác Giềng	Km1+119	Bắc Kạn	105,5	3	9,12	7	H13-X60				17	
11	QL.3B	Nà Cầm	Km22+11	Bắc Kạn	19,9	1	4,56	4,06	H13-X60				17T	
12	QL.3B	Côn Minh	Km24+88	Bắc Kạn	31,27	1	6,9	6	H13-X60				17T	
13	QL.3B	Vằng Mười	Km38+712	Bắc Kạn	8,9	1	6,6	6	H13-X60				17T	
14	QL.3B	Cư lễ 1	Km45+210	Bắc Kạn	7,8	1	6,5	6	H13-X60				17T	
15	QL.3B	Cư lễ 2	Km45+820	Bắc Kạn	42,61	1	5,1	4	H13-X60				17T	
16	QL.3B	Hát Deng	Km55+740	Bắc Kạn	138,25	4	10	9	H13-X60				17T	

Ghi chú:

1. Các cầu trên quốc lộ phạm vi Sở GTVT Bắc Kạn quản lý không ghi trong bảng trên là các cầu không cấm biến tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư của Bộ GTVT.
2. Trong tài liệu này không công bố các cầu đang xây dựng.
3. Các chỉ số tại Cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tổng tải trọng Xe thân liền; Số hiệu thứ hai giới hạn tổng tải trọng xe Đầu kéo kéo Rơ mooc; Số hiệu thứ ba giới hạn tổng tải trọng Xe thân liền kéo Rơ mooc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng).
Ví dụ: Cột 11B có ghi : 23-29-32, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 23 Tấn; Xe đầu kéo kéo rơ mooc được lưu thông với tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 29 Tấn và Xe thân liền kéo rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 32 Tấn.
4. Chỉ số ghi ở Cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên Biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe" (Biển số theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2012/BGTVT).
Ví dụ: ở cột 11C có ghi số "17"- Nghĩa là cầu có cấm biến Hạn chế trọng lượng toàn bộ (cả xe và hàng) vượt quá 17 T.
5. Cầu nào mà ở Cột 11A có ghi ký hiệu (*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D